TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **10**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Linh.

2. Ông Ngô Anh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ph**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 168/17 Bạch Đằng, khu phố U1, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: ông **Võ Minh Q**, sinh năm 1966

Địa chỉ: 168/17 Bạch Đằng, khu phố U1, thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Minh Q tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn U, huyện W, tỉnh

Bình Thuận vào năm 2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số 319 quyển số 02/2008 ngày 17/9/2008, hai bên gia đình có tổ chức cưới. Cuộc sống hôn nhân của bà và ông Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Q có tính hay nhậu nhẹt, thường xuyên say sỉn, thường xuyên không ở nhà, ít chăm lo đến gia đình và một phần cũng do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông bà hay cãi vã nhau nhưng vì các con bà cố gắng duy trì cuộc sống vợ chồng nhưng đến nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà đề nghị được ly hôn với ông Q

Về con chung: bà và ông Q có 03 người con chung tên Võ Thị Ninh K (sinh ngày 19/12/1989), Võ Minh Q (sinh ngày 07/01/1988), Võ Thị Minh P (sinh ngày 16/12/1994). Các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn ông Võ Minh Q: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Võ Minh Q theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Q vẫn cố tình vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông cũng vắng mặt nên không trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ph.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ph được ly hôn với ông Võ Minh Q.

- Về con chung: Bà Ph và ông Q có 03 người con chung tên Võ Thị Ninh K (sinh ngày 19/12/1989), Võ Minh Q (sinh ngày 07/01/1988), Võ Thị Minh P (sinh ngày 16/12/1994). Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Ph không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Minh Q không thực hiện theo các giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại tại các phiên họp, phiên hòa giải mà không có lý do chính đáng. Qua xác minh, Tòa án xác định địa chỉ của ông Q mà nguyên đơn cung cấp là đúng với thực tế và đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Q nhưng do ông Q vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ph, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ph và ông Q được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn U, huyện W, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 319 ngày 17/9/2008. Theo các chứng cứ thu thập được thì trong quá trình chung sống, bà Ph và ông Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông Q có tính hay uống rượu say sỉn, thường xuyên không ở nhà, ít chăm lo đến gia đình và do điều kiện kinh tế khó khăn nên hay cãi vã nhau dẫn tới cuộc sống hôn nhân không hạnh Ph. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà Ph và ông Q không còn nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ph đối với ông Q.

[3] Về con chung: Bà Ph và ông Q có 03 người con chung tên Võ Thị Ninh K (sinh ngày 19/12/1989), Võ Minh Q (sinh ngày 07/01/1988), Võ Thị Minh P (sinh ngày 16/12/1994). Các con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Bà Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ph

[1] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ph được ly hôn với ông Võ Minh Q.

[2] Về con chung: Các con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Ph phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Ph đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0019835 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Ph đã nộp đủ án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/4/2019), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn U;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Q Trí